

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 8 - 2023

“V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2023/QĐ-PT ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đông A – sinh năm 1965 và bà Võ Thị Ánh Th – sinh năm 1969; cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

* Bà Võ Thị Ánh Th ủy quyền cho ông Nguyễn Đông A (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H – sinh năm 1993; cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông Nguyễn Đông A, bà Võ Thị Ánh Th, bà Nguyễn Thị Hồng H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th, do ông Nguyễn Đông A đại diện trình bày:*

Từ tháng 4/2020 âm lịch bà Nguyễn Thị Hồng H mua vật liệu xây dựng của ông A, bà Th, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Ông A, bà Th có nói với bà H về việc phải thanh toán tiền ngay khi mua hàng nên những lần mua hàng trước thì bà H đã trả tiền đầy đủ ngay sau khi nhận hàng. Từ khoảng cuối tháng 4/2020 âm lịch đến giữa tháng 5/2020 âm lịch thì bà H nói do bà chưa rút được tiền nên chưa có tiền trả tiền hàng cho ông, bà vì vậy ông, bà không bán nợ cho bà H nữa. Từ nửa cuối tháng 5/2020 âm lịch trở đi bà H mua vật liệu xây dựng của ông, bà thì bà H đều trả tiền mặt, còn số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ trước đó thì bà H chưa trả. Đến ngày 06 tháng chạp năm 2020 âm lịch, bà H tiếp tục mua của ông, bà một tấn xi măng và 1.000 viên gạch nhưng chưa trả tiền. Trong cả quá trình mua bán tài sản, khi giao hàng thì ông, bà có giao cho bà H phiếu giao hàng trên đó ghi số lượng hàng giao và giá tiền, còn phía ông, bà thì tự ghi vào sổ theo dõi.

Ngày 07 tháng chạp năm 2020 âm lịch, khi nhà bà H đang có tổ chức cúng chạp mả thì ông A đến nhà bà H đòi tiền, vì vậy hai bên xảy ra cãi nhau, kể từ đó trở đi bà H không mua vật liệu của ông, bà nữa. Số tiền mua vật liệu xây dựng mà bà H còn nợ lại của ông, bà là 165.613.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn đồng*). Bà H hứa hẹn nhiều lần nhưng chưa trả nợ cho ông, bà.

Đến ngày 29/5/2022, ông A, bà Th đến nhà bà H đòi tiền thì bà H nói chưa có tiền trả và bà H nói chỉ còn nợ của ông A, bà Th số tiền mua vật liệu là 160.000.000 đồng và có viết giấy hẹn nợ đến cuối tháng 6/2022 sẽ thanh toán đủ số tiền còn nợ trên, nhưng từ đó đến nay bà H vẫn chưa trả tiền cho ông A, bà Th.

Do bà H chưa trả tiền nên ông A, bà Th phải đi vay tiền của người khác với lãi suất 2,5%/tháng để trả tiền hàng cho nhà cung cấp; số tiền lãi mà ông A, bà Th đã phải trả cho người cho vay tiền trong thời gian 27 tháng (kể từ khi bà H mua hàng nợ từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2022 khi ông A, bà Th khởi kiện) là 90.000.000 đồng.

Tại thời điểm bà H mua nợ vật liệu xây dựng của ông A, bà Th thì giá vật liệu xây dựng thấp hơn giá vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại, do đó ông, bà yêu cầu bà H phải trả tiền chênh lệch giá cho ông A, bà Th trong thời gian thời gian 27 tháng (kể từ khi bà H mua hàng nợ tháng 4/2020 đến tháng 7/2022 khi ông A, bà Th khởi kiện) là 55.250.000 đồng.

Nay ông A, bà Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho ông, bà số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 160.000.000 đồng, tiền lãi trong thời gian 27 tháng là 90.000.000 đồng (kể từ khi mua hàng nợ tháng 4/2020 đến tháng

7/2022 khi ông A, bà Th khởi kiện) và tiền lãi từ tháng 8/2022 đến nay, tiền chênh lệch giá trong thời gian 27 tháng là 55.250.000 đồng.

** Tại Bản tự khai đề ngày 08/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:*

Vào tháng 4/2020 âm lịch, bà có mua vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th. Quá trình mua hàng hai bên chỉ thỏa thuận về thời hạn giao hàng, không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền. Những lần mua hàng trước thì bà đã trả tiền đầy đủ sau khi nhận hàng. Từ khoảng cuối tháng 4/2020 âm lịch đến giữa tháng 5/2020 âm lịch do chưa có tiền trả tiền hàng cho ông A, bà Th nên ông A, bà Th không bán nợ cho bà nữa. Từ nửa cuối tháng 5/2020 âm lịch trở đi bà mua vật liệu xây dựng của ông A, bà Th thì bà đều trả tiền ngay khi nhận hàng.

Những lần trước khi mới mua vật liệu xây dựng thì bà trực tiếp đi mua, nhưng sau đó do bà bận đi làm nên có lúc bà trực tiếp mua hàng, có lúc bà nhờ bạn của bà hoặc cha bà liên hệ với ông A, bà Th để mua vật liệu xây dựng, nên vào ngày 06 tháng chạp năm 2020 âm lịch có mua nợ của ông A, bà Th một tấn xi măng và 1.000 viên gạch hay không thì bà không xác định được. Các lần mua vật liệu xây dựng cụ thể của ông A, bà Th thì bà không nhớ và không theo dõi.

Vào ngày 07 tháng chạp năm 2020 âm lịch, khi nhà bà đang có tổ chức cúng chạp mà thì ông A đi cùng mấy người đến nhà bà đòi nợ, vì vậy bà bức xúc nên hai bên có xảy ra cãi nhau, kể từ đó trở đi bà không mua vật liệu của ông A, bà Th nữa.

Bà chấp nhận còn nợ của ông A, bà Th số tiền 160.000.000 đồng nên ngày 29/5/2022 bà đã viết giấy hẹn nợ số tiền 160.000.000 đồng và hẹn đến cuối tháng 6 năm 2022 sẽ trả nợ, nhưng vì lý do làm ăn khó khăn nên bà chưa thu xếp để trả nợ cho ông A và bà Th.

Nay bà chỉ chấp nhận trả cho ông A, bà Th số tiền mua hàng còn nợ là 160.000.000 đồng, bà yêu cầu được trả dần hàng tháng, mỗi tháng bà sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 160.000.000 đồng.

Đối với việc ông A, bà Th yêu cầu bà trả số tiền lãi trong thời gian 27 tháng là 90.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện cho đến nay thì bà không đồng ý trả, vì lý do đây là tiền bà mua vật liệu chứ không phải tiền vay, khi mua hai bên không thỏa thuận trả tiền lãi.

Đối với việc ông A, bà Th yêu cầu bà trả số tiền chênh lệch giá trong thời gian 27 tháng là 55.250.000 đồng thì bà không đồng ý trả, vì khi mua hai bên không có thỏa thuận.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th số tiền mua tài sản còn nợ chưa thanh toán là

160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi do chậm trả tiền là 35.590.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*), tổng cộng hai khoản là 195.590.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả số tiền lãi là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) và số tiền chênh lệch giá là 55.250.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS ngày 26/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành kháng nghị đối với một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thay đổi một phần kháng nghị về thời điểm tính tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày 01/7/2022; nội dung còn lại, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS ngày 26/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại các Điều 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS ngày 26/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện N theo hướng: Xác định thời điểm tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2023 là (09 tháng 12 ngày) và tính lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 12/4/2023, Tòa án nhân dân huyện N tuyên án. Ngày 26/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023. Về thẩm quyền, hình thức, nội dung và thời hạn kháng nghị là phù hợp với quy định tại các Điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.2] Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS ngày 26/4/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N kháng nghị bà H chỉ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 30/6/2022 đến thời điểm xét xử là ngày 12/4/2023. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thay đổi thời gian bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả được tính từ ngày 01/7/2022 đến thời điểm xét xử là ngày 12/4/2023. Xét thấy, việc thay đổi một phần kháng nghị không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu quy định tại Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, có căn cứ xác định: Giữa ông Nguyễn Đông A, bà Võ Thị Ánh Th và bà Nguyễn Thị Hồng H có mua bán tài sản là vật liệu xây dựng từ tháng 4/2020 đến ngày mùng 6 tháng chạp năm 2020 (tức là ngày 18/01/2021) nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng và không lập hợp đồng mua bán. Quá trình mua bán thì bà H còn nợ ông A và bà Th số tiền là 160.000.000 đồng. Ông A và bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ số tiền trên, nhưng bà H không trả. Ngày 29/5/2022, bà H có viết giấy hẹn nợ đến cuối tháng 6/2022 sẽ trả 160.000.000 đồng cho ông A và bà Th. Sau khi bà H viết giấy thì phía nguyên đơn giữ giấy này. Do bà H không thực hiện thỏa thuận là cuối tháng 6/2022 sẽ trả tiền cho phía nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện.

[2.2] Xét kháng nghị về thời điểm tính tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà Nguyễn Thị Hồng H thì thấy rằng: Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận đồng ý cho bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 160.000.000 đồng cho nguyên đơn vào cuối tháng 6/2022. Tuy nhiên, hết tháng 6/2022 bị đơn vẫn không trả tiền, nên thời gian mà bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả được xác định từ ngày 01/7/2022 đến thời điểm xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, kháng nghị về thời gian tính lãi là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận không có thỏa thuận mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xác định mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 0,83%/tháng. Thời điểm tính lãi suất chậm trả tiền được tính từ ngày

01/7/2022 đến ngày 12/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 09 tháng 12 ngày. Cụ thể, tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính như sau: $(160.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} \times 0,83\%) = 12.483.200 \text{ đồng}$.

[2.3] Xét kháng nghị về số tiền án phí nguyên đơn, bị đơn phải chịu thì thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả là 90.000.000 đồng tính từ khi mua hàng nợ tháng 4/2020 đến tháng 7/2022 khi ông A, bà Th khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu về tính tiền lãi chậm trả là 35.590.000 đồng nhưng lại buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu không được chấp nhận về tính tiền lãi của nguyên đơn là 90.000.000 đồng. Lẽ ra, nguyên đơn chỉ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tính khoản lãi chậm trả không được chấp nhận là 2.720.500 đồng $[(90.000.000 \text{ đồng} - 35.590.000 \text{ đồng}) \times 5\%]$ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành. Xác định lại tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận về khoản lãi chậm trả là $[(90.000.000 \text{ đồng} - 12.483.200 \text{ đồng}) \times 5\%] = 3.876.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành; sửa bản án dân sự sơ thẩm về thời điểm tính tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà Nguyễn Thị Hồng H và số tiền án phí sơ thẩm mà nguyên đơn, bị đơn phải chịu.

[3] Về án phí:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là $(160.000.000 \text{ đồng} + 12.483.200 \text{ đồng}) \times 5\% = 8.624.160 \text{ đồng}$.

[3.2] Ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là $[(90.000.000 \text{ đồng} - 12.483.200 \text{ đồng}) + 55.250.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 6.638.340 \text{ đồng}$ được khấu trừ vào số tiền 7.763.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001628 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm $(7.763.000 \text{ đồng} - 6.638.340 \text{ đồng}) = 1.124.660 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 675/QĐ-VKS-DS ngày 26/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện N.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và 273, Điều 280, Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th số tiền mua tài sản còn nợ là 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th tiền lãi do chậm trả tiền là 12.483.200 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả tiền lãi do chậm trả tiền là 77.516.800 đồng (*Bảy mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả số tiền chênh lệch giá là 55.250.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.624.160 đồng (*Tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng*).

5.2. Ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.638.340 đồng (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), được khấu trừ vào số tiền 7.763.000 đồng (*Bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001628 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đông A và bà Võ Thị Ánh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.124.660 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng